

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

X111081 S3

Giày an toàn bắn g **da** thấp v ự ớ c **kéo khu** vự c **và tripguard**

Giày an toàn thấp X111081 có khả **năng** bảo khả ệng ợt t ố n g ợt SR, mũi giày bắn g **thép** và đặc **tính** ch ố n g **tĩnh** điệ n . Chúng đảm bảo **đôi chân** khô r á o trong **và** n ọi **ngành** n gh ề .

CO_2 10.34 kg



BLK

Những vật liệu **cao** cấp hơn	Da Nappa Action
lót bên trong	Cambrella
trong Đ	ệm **chân** SJ làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU/Cao su
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, FO, HRO
Phạm **vi kích** thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng **thép**	0.686 kg
ẩn **hóa** chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022





Giày Cho Thủy Thủ **Đoàn**
Giày an toàn và ủ g Shoes For Crews có **kiểu** trên nhiều bề mặt nhẵn **và** nhiều **tính** năng khác.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ **giúp** chân ngăn hoặc rơ i chắ



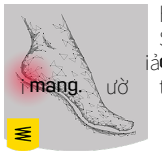
Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăn không **không** tiếp xúc lâu **dài**



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn a điện tích tụ hãy ồ bảo rằng **chúng** được cách hiệu ện 100 kOhm và 1 GigaOhm



SRC
rước là một trong những **tính** năng quan trọng và giày bảo hộ **SRC** phải vượt qua cả bài **SRA** và **SRB**, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt **thép** và gốm.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở **gót chân** ải **chân** mang. ười hoặc chạy lên cơ thể ng

Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố n g, Hoá h oạch , Xây dự n g, Thự c phẩ m & Khai thác m ỏ , Dầu khí, Ngành công n ghiệ p, Phụ c

ường: **Môi** t
rư ờn g môi trư ờn g ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ m cách phù hợ p. Không sử dụ ng

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da Nappa Action** cao cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút ẩm ướt	? 0.8	5.1		ời	mg/cm/g
	Top: hi nụ sốc ẩm ướt	? 15	46			mg/cm2
ót bên trong	**Cambrella**					
	L ớp lót: thấm hút ẩm ướt	? 2	33.5		ời	mg/cm/g
	lót: hi nụ sốc ẩm ướt	? 20	269			mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái ch ế (96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800			chu kỳ
goài Đ	**PU/Cao su**					
	Ch ố n trơ n trượ t (mài mòn) ế ngoài (	? 150	91.9			mm
	Chư ớ t: trc gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớ t gót v ề phía t	? 0.31	0.44			ma sát
	rư ớ t: cơ mũi bàn - G ố m + NaLS - Trư ớ t lùi v ề phía t	? 0.36	0.41			ma sát
	rư ớ t: SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t gót phía t	? 0.19	0.39			ma sát
	Chư ớ t: SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t cơ mũi bàn phía t	? 0.22	0.32			ma sát
	ri ch ố Giá t tính điệ n	0.1 - 1000	511			megaohm
	ri ESD Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l ượ ng gót chân củ	? 20	36.0			J
Đ ứ n g đầ **Thép**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	14.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	18.5			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Không có phần nào trong tài liệu này hoặc nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự miêu t ả	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i **CO** phát thả					
	V ật l iệu		8.06		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			10.34 kg CO2/ cặp		

	Sự miêu t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		5%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] giày đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com